TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ** **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh P**

Bản án số: 11/2019/HNGĐ-ST
Ngày 11-7-2019
V/v tranh chấp ly hôn, giữa Nguyễn Công T- Nguyễn Thị H

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÔNG HÀ

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Kim Thương.
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Đình Khương;
Bà Nguyễn Thị Mỹ Vinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phan Khắc Quân - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đông Hà tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Viết Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2019, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 349/2019/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp " *Ly hôn, nuôi con và chia tài sản khi ly hôn*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 6 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 08/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 6 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Công T, địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị H, địa chỉ: Khu phố T, phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn: Bà Nguyễn Thị Khánh T, Văn phòng Luật sư T; địa chỉ: 117B H, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam. Đại diện hợp pháp: Ông Trần Minh T, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh thành phố Đông Hà, địa chỉ: 225 Hùng Vương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị. (*Văn bản ủy quyền số 202/UQ ngày 04 tháng 6 năm 2019*), có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 27 tháng 12 năm 2018, quá T tham gia tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn anh Nguyễn Công T trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị H đăng ký kết hôn năm 2004 tại UBND xã G, huyện G, tỉnh N. Sau một thời gian chung sống, đến đầu năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị H yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, anh không đồng ý vì muốn níu kéo tình cảm, mong muốn giữ gìn

hạnh phúc gia đình, Tòa án đã xét xử và không chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị H. Tuy nhiên, sau khi xét xử thì chị H bỏ nhà đi ở chỗ khác. Vì những lý do đó nên anh T yêu cầu được ly hôn với chị H. Về con chung: Anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 14/5/2005 và Nguyễn Công P, sinh ngày 09/9/2013, các cháu hiện nay đang ở với anh T nên anh có nguyện vọng được trực tiếp nuôi cả hai con, không yêu cầu chị H cấp dưỡng nuôi con, trong trường hợp không được nuôi hai con thì anh có nguyện vọng được nuôi cháu P. Lý do anh xin được nuôi con, bản thân có thu nhập ổn định, công tác gần nhà, thời gian chị H không ở trong nhà một năm anh vẫn chăm sóc con tốt và anh đưa mẹ đẻ của anh ở quê cùng vào chăm các cháu.

***Tại Văn bản ngày 29 tháng 01 năm 2019, quá T tham gia tố tụng bị đơn chị Nguyễn Thị H và đại diện hợp pháp của bị đơn trình bày*:** Về quan hệ hôn nhân, chị H đồng ý ly hôn với anh Nguyễn Công T vì không còn tình cảm vợ chồng, cuộc sống chung phát sinh nhiều mâu thuẫn quá mức trầm trọng, không thể hàn gắn được. Về con chung: Chị H có nguyện vọng nuôi cả hai con chung, trong trường hợp không được nuôi hai con thì chị có nguyện vọng được nuôi cháu P, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Lý do chị xin được nuôi con là đơn vị anh T không gần nhà, thường xuyên chuyển đơn vị công tác, không ở một chỗ, các con còn nhỏ cần sự chăm sóc của người mẹ. Về tài sản chung: Quá T chung sống chị và anh T tạo lập được tài sản gồm nhà và đất tại khu phố T, phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị; đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014. Giá trị nhà và đất 1.200.000.000 đồng, chị H có nguyện vọng giao nhà và đất cho anh T sở hữu và sử dụng, anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam- chi nhánh thành phố Đông Hà theo Hợp đồng tín dụng số 3902-LAV-2018 00114 ngày 12/01/2018 và Hợp đồng thế chấp tài sản số 01/HĐTC ngày 24/3/2016, anh T có nghĩa vụ giao tiền chia tài sản cho chị H 400.000.000 đồng.

Ý kiến của anh Nguyễn Công T về phần tài sản chung: Anh T thừa nhận vợ chồng anh có 01 ngôi nhà xây trên thửa đất 133m^2 tại khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014. Lô đất này anh được mua theo diện chính sách dành cho sỹ quan Biên phòng chưa có nhà ở, không qua đấu giá vào năm 2013. Tại phiên tòa, anh đồng ý phương án của chị H về phân chia tài sản, anh đồng ý nhận nhà và quyền sử dụng đất, trả nợ cho Ngân hàng và có nghĩa vụ giao cho chị H 400.000.000 đồng chia tài sản, anh T có nguyện vọng trả dần tiền cho chị H một năm 50.000.000 đồng cho đến khi hết số tiền 400.000.000 đồng, trường hợp chị H không đồng ý phương thức thanh toán của anh T thì anh đề nghị Hội đồng xét xử tuyên trong bản án thời gian giao tiền vào năm 2024 bởi lý do trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có điều kiện của cơ quan cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấm không được chuyển nhượng, tặng cho đất này trong thời hạn 10 năm kể từ ngày cấp giấy (10/3/2014).

Ý kiến của chị H về thời hạn thanh toán tiền chia tài sản của anh T: Chị không đồng ý mỗi năm anh T trả 50.000.000 đồng hoặc vào năm 2024 anh mới

giao tiền cho chị.

Ý kiến của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (sau đây gọi tắt là Ngân hàng): Vợ chồng anh T và chị H có ký kết với Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh tỉnh Quảng Trị, Hợp đồng tín dụng số 3902-LAV-2018 ngày 12/01/2018 để vay 200.000.000 đồng, mục đích mua sắm đồ dùng gia đình, thời hạn vay 60 tháng (*đến ngày 12/01/2023*) và thế chấp tài sản là quyền sử dụng đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp mang tên Nguyễn Công T và Nguyễn Thị H, quá T thực hiện hợp đồng bên vay anh T trả nợ đúng cam kết, tính đến ngày 11/7/2019, số tiền còn nợ 142.964.791 đồng, trong đó gốc 142.016.793 đồng và lãi 947.998 đồng. Nay anh T và chị H ly hôn, yêu cầu phải có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng đồng thời đề nghị buộc người có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng là người được nhận tài sản là nhà và quyền sử dụng đất đã thế chấp, trong trường hợp người có nghĩa vụ trả nợ không thực hiện đúng cam kết trong hợp đồng thì Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản đã thế chấp để thanh toán số nợ gốc còn lại và lãi phát sinh theo Hợp đồng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Quá T thụ lý và giải quyết vụ án, Thẩm phán đã thực hiện đảm bảo trình tự về thủ tục tố tụng theo quy định; tại phiên toà Hội đồng xét xử, thư ký thực hiện đúng trình tự; người tham gia tố tụng đương sự chấp hành đúng các quy định của pháp luật.

Đối với việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 55; 56; 59; 60; 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình xử:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn giữa ;

Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công M, sinh ngày 14/5/2005 cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Công P, sinh ngày 09/9/2013 cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T và chị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Công T được quyền sở hữu ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng diện tích 133m^2 tại khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp cho anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H. Giá trị nhà và quyền sử dụng đất 1.200.000.000 đồng, anh T có nghĩa vụ giao tiền chia tài sản cho chị H 400.000.000 đồng.

Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Nguyễn Công T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*tạm tính đến ngày 11/7/2019*) số tiền gốc 142.016.793 đồng và lãi 947.998 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3902-LAV-2018 ngày 12/01/2018. Trong trường hợp anh T không trả nợ vay hoặc trả nợ vay không đầy đủ theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký thì Ngân hàng có quyền xử lý tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền đất theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp cho anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Trong đơn khởi kiện anh Nguyễn Công T yêu cầu giải quyết về quan hệ hôn nhân và nuôi con. Ngày 29/01/2019, chị Nguyễn Thị H yêu cầu giải quyết về tài sản chung, ngày 30/01/2019, Tòa án thụ lý bổ sung phần tranh chấp này nên Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự để thụ lý, và xác định quan hệ tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn"*.

[2] Về nội dung:

* Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật công nhận. Quá T chung sống phát sinh mâu thuẫn không thể hàn gắn được, anh T yêu cầu ly hôn, chị H đồng ý. Xét thấy, anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này.

* Về con chung: Quá T chung sống anh T và chị H có 02 con chung là Nguyễn Công M, sinh ngày 14/5/2005 và Nguyễn Công P, sinh ngày 09/9/2013. Xét nguyện vọng nuôi con của anh T và chị H thấy rằng, cả anh T và chị H đều có chỗ ở, việc làm, thu nhập ổn định, nguyện vọng được nuôi con của anh chị là hoàn toàn chính đáng, để đảm bảo quyền lợi và nghĩa vụ của bố mẹ đối với con cái nên giao cho anh T và chị H mỗi người nuôi một cháu. Cháu M, đã trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với mẹ, cháu P gần 06 tuổi, thời gian chị H làm việc ở thành phố Huế từ đầu năm cho đến nay các cháu ở với anh T, mặc dù anh T là Bộ đội Biên phòng công tác tại Cảng Cửa Việt cách nhà hơn 10km, nhưng anh vẫn sắp xếp công việc, thời gian chăm sóc các con chu đáo, học tập đạt kết quả tốt, được Nhà trường nơi các cháu theo học xác nhận. Để đảm bảo nguyện vọng của cháu M và sự ổn định của cháu P nên giao cháu M cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu P cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T và chị H mỗi người nuôi một cháu nên không ai có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, phù hợp với quy định tại Điều 81; 82; 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình và phù hợp đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa.

* Về tài sản chung: Trong thời gian chung sống anh T và chị H xác nhận cùng tạo lập được ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng đất có diện tích 133m^2 tại khu phố Tân Vĩnh, phường Đông Lương, thành phố Đông Hà, đất đã được Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014. Thấy rằng, Tại mục 6 của Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014 phần Ghi chú: "Gia đình ông T, bà H không được chuyển nhượng, tặng cho trong thời gian 10 năm kể từ ngày 10/3/2014 theo cam kết của gia đình và văn bản số 1974/UBND-NN ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Quảng Trị". Như vậy, điều kiện của Cơ quan có thẩm quyền quy định anh T và chị H không được chuyển nhượng, tặng cho trong thời gian 10 năm kể từ ngày 10/3/2014. Do đó, yêu cầu của chị Nguyễn Thị H về chia tài sản khi ly hôn được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Căn cứ vào Biên bản, xem xét thẩm định tại chỗ ngày 05/6/2019 của Tòa án xác định ngôi nhà làm trên diện tích đất không thể chia bằng hiện vật do kết cấu ngôi nhà, đồng thời anh T và chị H không yêu cầu chia diện tích đất và ngôi nhà bằng hiện vật.

Tại phiên tòa, anh T và chị H thống nhất về giá trị tài sản, phương án phân chia tài sản, theo đó chị H giao nhà và đất cho anh T sở hữu và sử dụng, anh T có nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng và giao cho chị H 400.000.000 đồng tiền chia tài sản, thỏa thuận này phù hợp với Điều 59 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự

nguyện này.

Đối với yêu cầu của anh T đề nghị Hội đồng xét xử tuyên thời điểm anh T có nghĩa vụ giao tiền chia tài sản cho chị H sau ngày 10/3/2024, yêu cầu này của nguyên đơn không được bị đơn thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không chấp nhận và tuyên theo quy định của pháp luật.

* Về nghĩa vụ trả nợ: Tính đến ngày 11/7/2019, anh T, chị H còn nợ 142.964.791 đồng, trong đó gốc 142.016.793 đồng và lãi 947.998 đồng, anh T chị H thỏa thuận anh T có nghĩa vụ tiếp tục trả, trong trường hợp anh T vi phạm thì Ngân hàng có quyền yêu cầu xử lý tài sản thế chấp. Sự thỏa thuận này của anh T và chị H được Ngân hàng đồng ý, phù hợp với Điều 60 Luật Hôn nhân gia đình nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Yêu cầu ly hôn của anh Nguyễn Công T được chấp nhận nên anh T phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng. Anh T được hưởng 800.000.000 đồng giá trị tài sản nên phải chịu 36.000.000 đồng (20.000.000 đồng +4% của 400.000.000 đồng) án phí chia tài sản. Chị Nguyễn Thị H được hưởng 400.000.000 đồng giá trị tài sản nên phải chịu án phí chia tài sản là 20.000.000 đồng (400.000.000 đồng x 5%) theo quy định tại điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; Điều 59; Điều 60; Điều 81; 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, xử:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Công M, sinh ngày 14/5/2005 cho chị Nguyễn Thị H trực tiếp nuôi dưỡng; giao cháu Nguyễn Công P, sinh ngày 09/9/2013 cho anh Nguyễn Công T trực tiếp nuôi dưỡng, anh T và chị H không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

Anh T và chị H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản chung: Giao cho anh Nguyễn Công T được quyền sở hữu ngôi nhà gắn liền quyền sử dụng diện tích 133m^2 tại khu phố T, phường Đ, thành phố ĐH, tỉnh Quảng Trị theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BP 386686 ngày 10/3/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp cho anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H. Giá trị nhà và quyền sử dụng đất 1.200.000.000 đồng, anh T có nghĩa vụ giao tiền chia tài sản cho chị H 400.000.000 đồng. Anh T được hưởng giá trị tài sản 800.000.000 đồng. Chị H được hưởng giá trị tài sản 400.000.000 đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản

tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

- Về nghĩa vụ trả nợ: Anh Nguyễn Công T có nghĩa vụ tiếp tục trả nợ cho Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (*tạm tính đến ngày 11/7/2019*) số tiền 142.964.791 đồng; trong đó tiền gốc 142.016.793 đồng, lãi 947.998 đồng theo Hợp đồng tín dụng số 3902-LAV-2018 ngày 12/01/2018.

Kể từ ngày 12/7/2019, anh Nguyễn Công T tiếp tục trả lãi đối với khoản nợ gốc theo lãi suất đã thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng cho đến khi trả hết nợ.

Trong trường hợp anh Nguyễn Công T không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đông Hà, tỉnh Quảng Trị xử lý toàn bộ tài sản thế chấp để thu hồi nợ vay là Quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất theo Giấy chứng nhận quyền quyền sử dụng đất và sở hữu nhà ở số BP 386686 ngày 10/3/2014 do Ủy ban nhân dân thành phố Đông Hà cấp cho anh Nguyễn Công T và chị Nguyễn Thị H theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 01/HĐTC ngày 24/3/2016 đã được ký kết để thu hồi nợ.

2. Về án phí: Anh Nguyễn Công T phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn và 36.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009523 ngày 28/12/2018, anh T còn phải nộp 36.000.000 đồng. Chị Nguyễn Thị H phải chịu 20.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp 11.936.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0009556 ngày 29/01/2019. Chị H còn phải nộp 8.064.000 đồng.

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKSND TP Đông Hà;
- THA DS TP Đông Hà;
- UBND xã Giao Lạc;
- Các đương sự;

Đoàn Thị Kim Thương